

**TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG
VIỆT NAM**

Số: *1514* /QĐ - TLD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tổ chức, quản lý tài chính
Công ty TNHH MTV công đoàn.**

ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Công đoàn năm 2012; Điều lệ Công đoàn Việt Nam năm 2014;

- Căn cứ Nghị định số 191/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết về tài chính công đoàn; Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu và Công ty TNHH MTV là công ty con của Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu; Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Bộ Luật Lao động về tiền lương; Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu; Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;

- Theo đề nghị của Ban Tài chính Tổng Liên đoàn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế tổ chức, quản lý tài chính Công ty TNHH MTV công đoàn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1073/QĐ-TLĐ ngày 1/9/2011 của Tổng Liên đoàn.

Điều 3. Các ban, đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn, các cấp công đoàn, các Công ty TNHH MTV công đoàn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *~*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đ/c UVĐCTTLĐ (Đề báo cáo);
- Lưu VT TLĐ. *th*

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Tùng

QUY CHẾ

Tổ chức, quản lý tài chính Công ty TNHH một thành viên công đoàn.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1514/QĐ- TLĐ
ngày 16 tháng 12 năm 2014 của Đoàn Chủ tịch TLĐ).

Chương I

Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về tổ chức, quản lý tài chính công ty TNHH một thành viên 100% vốn của tổ chức Công đoàn (Sau đây gọi chung là Công ty TNHH MTV công đoàn).

2. Đối tượng áp dụng:

- Công ty TNHH một thành viên Công đoàn.
- Các cấp công đoàn theo quy định của Điều lệ công đoàn Việt Nam là chủ sở hữu, đại diện chủ sở hữu vốn, tài sản của công đoàn tại công ty TNHH MTV công đoàn.

Điều 2. Chủ sở hữu, đại diện Chủ sở hữu.

1. Chủ sở hữu.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (Sau đây gọi chung là Tổng Liên đoàn) là chủ sở hữu tài sản công đoàn, tài chính công đoàn (Bao gồm cả tài sản Nhà nước đã chuyển giao cho công đoàn quản lý, sử dụng) đầu tư tại Công ty TNHH MTV công đoàn và vốn của công đoàn tại công ty TNHH MTV công đoàn đầu tư vào doanh nghiệp khác. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với Công ty TNHH MTV trực thuộc TLĐ.

2. Đại diện Chủ sở hữu.

Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; công đoàn ngành Trung ương và tương đương là đại diện Chủ sở hữu thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu theo phân cấp hoặc ủy quyền tại công ty TNHH MTV trực thuộc; vốn của công đoàn tại Công ty TNHH MTV công đoàn trực thuộc đầu tư vào doanh nghiệp khác; đồng thời chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu về quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Chương II

Quyền, nghĩa vụ của Chủ sở hữu, đại diện Chủ sở hữu

Điều 3. Quyền của Chủ sở hữu.

1. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý; ban hành các quy định, quy chế tổ chức, quản lý tài chính Công ty TNHH MTV công đoàn.

2. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, nâng bậc lương của Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc (gọi chung là Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kiểm soát viên, Kế toán trưởng. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, nâng bậc lương hoặc ký hợp đồng thuê Giám đốc; Giám đốc điều hành Công ty TNHH MTV công đoàn trực thuộc; Thẩm định, quyết định xếp hạng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước xếp hạng Công ty TNHH MTV công đoàn;

Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao; Phê duyệt quy chế trả lương, thưởng của viên chức quản lý Công ty TNHH MTV công đoàn trực thuộc; Quy định chi trả thù lao cho viên chức quản lý kiêm nhiệm; Phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động; thang, bảng lương của người lao động (Thang bảng lương xây dựng mới và bổ sung, sửa đổi); quỹ tiền lương của Công ty TNHH MTV trực thuộc. Quyết định việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng viên chức quản lý của công ty TNHH MTV công đoàn trực thuộc (trừ các nội dung phân cấp cho chủ tịch công ty không kiêm Giám đốc).

3. Thực hiện quyền của Chủ sở hữu về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty TNHH MTV công đoàn theo Quy định của Chính phủ.

4. Phê duyệt Điều lệ của Công ty TNHH MTV công đoàn trực thuộc. Phê duyệt mức vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Công đoàn khi thành lập; Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, chuyển nhượng một phần hay toàn bộ vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV công đoàn theo Quy chế quản lý tài chính công đoàn.

5. Quyết định các dự án đầu tư XDCB, vay và cho vay (Bao gồm cả cho Công ty TNHH MTV công đoàn vay đầu tư, vay vốn lưu động từ nguồn tài chính công đoàn từ trên 2 tỷ đồng trở lên); Thuê, cho thuê, thanh lý, chuyển nhượng, bán tài sản; Bảo lãnh vay vốn; Góp vốn liên doanh, liên kết và các hợp đồng khác do Điều lệ công ty quy định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn Điều lệ của Công ty Công ty TNHH MTV trực thuộc.

6. Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại Công ty TNHH MTV công đoàn trực thuộc hàng năm.

7. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty TNHH công đoàn trực thuộc (trừ nội dung phân cấp cho Chủ tịch công ty không kiêm Giám đốc)

8. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền của đại diện Chủ sở hữu:

1. Phê duyệt và ban hành Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty; Phê duyệt mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn và bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH MTV công đoàn trực thuộc. Quyết định tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty TNHH MTV công đoàn trực thuộc theo thẩm quyền quy định tại Quy chế quản lý tài chính công đoàn.

2. Thẩm định hồ sơ trình Tổng Liên đoàn quyết định thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty TNHH MTV công đoàn trực thuộc.

3. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, nâng bậc lương của Chủ tịch công ty, Giám đốc Công ty, Kiểm soát viên, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, xếp lương, nâng bậc lương hoặc ký hợp đồng thuê Giám đốc điều hành Công ty TNHH MTV công đoàn trực thuộc. Thẩm định trình Tổng Liên đoàn xếp hạng Công ty TNHH MTV công đoàn trực thuộc.

Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao; Phê duyệt quy chế trả lương, thưởng của viên chức quản lý Công ty TNHH MTV công đoàn trực thuộc; Quy định chi trả thù lao cho viên chức quản lý kiêm nhiệm; Phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động, thang bảng lương của người lao động (Thang bảng lương xây dựng mới và bổ sung, sửa đổi); Phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch của Công ty TNHH MTV công đoàn trực thuộc. Quyết định việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng viên chức quản lý của Công ty TNHH MTV công đoàn trực thuộc (trừ các nội dung phân cấp cho Chủ tịch công ty không kiêm Giám đốc)

4. Thẩm định, trình Tổng Liên đoàn quyết định các dự án đầu tư XD, vay, cho vay (Bao gồm cả cho vay đầu tư, cho vay vốn lưu động từ nguồn tài chính công đoàn trên 2 tỷ đồng); thuê, cho thuê, thanh lý, chuyển nhượng tài sản; bảo lãnh vay; góp vốn liên doanh, liên kết và các hợp đồng khác có giá trị trên 50% vốn Điều lệ của công ty; quyết định các nội dung trên có giá trị lớn hơn hoặc bằng 20% đến dưới 50% vốn Điều lệ Công ty (tối đa đến 2 tỷ đồng).

5. Phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty TNHH MTV Công đoàn trực thuộc. Tổng hợp kết quả sản xuất; kinh doanh (năm) của Công ty TNHH MTV trực thuộc, Công ty cổ phần đại diện Chủ sở hữu giữ cổ phần chi phối báo cáo về Tổng Liên đoàn.

6. Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, quyết định xếp loại Công ty TNHH MTV công đoàn trực thuộc hàng năm.

7. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 5. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ sở hữu và đại diện Chủ sở hữu.

1. Nghĩa vụ:

1.1. Cấp đủ vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV công đoàn trực thuộc.

1.2. Thực hiện các quy định tại Điều lệ công ty có liên quan đến trách nhiệm chủ sở hữu (đại diện chủ sở hữu).

1.3. Đảm bảo quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm theo quyền hạn và nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền của Công ty.

2. Trách nhiệm:

Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn Điều lệ của Công ty TNHH MTV Công đoàn trực thuộc theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về các quyết định thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu).

Chương III

Tổ chức, quản lý tài chính công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Điều 6. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty TNHH MTV công đoàn.

1. Viên chức quản lý điều hành công ty, bao gồm.

- Chủ tịch công ty.

- Kiểm soát viên.

- Giám đốc

- Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

Đối với Công ty TNHH MTV công đoàn có quy mô nhỏ thì Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) quyết định tổ chức theo mô hình Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc.

2. Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ, xưởng, phân xưởng.

Công ty có các phòng chuyên môn nghiệp vụ, xưởng, phân xưởng,... các phòng có trưởng, phó phòng; các tổ có tổ trưởng, tổ phó....

Điều 7. Quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch công ty (không kiêm Giám đốc).

1.. Quyền hạn:

1.1. Chủ tịch Công ty là đại diện Chủ sở hữu, (đại diện của đại diện Chủ sở hữu) tại Công ty TNHH TV công đoàn; người đại diện của công ty TNHH MTV công đoàn theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu (đại diện chủ sở hữu) về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

1.2. Quyết định kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và phương án đầu tư của Công ty.

1.3. Ban hành nội quy, quy chế của công ty.

1.4. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý của Công ty (trừ cơ cấu tổ chức và các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu (đại diện chủ sở hữu)).

1.5. Ký các hợp đồng nhân danh công ty theo quy định của pháp luật.

1.6. Phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hàng năm của Công ty sau khi Chủ sở hữu (đại diện chủ sở hữu) cho ý kiến.

1.7. Quyết định thành lập mới, tổ chức lại, giải thể đối với các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định việc góp vốn, điều chỉnh tỷ lệ góp vốn của công ty tại các doanh nghiệp thành viên và các doanh nghiệp khác sau khi được chủ sở hữu (đại diện chủ sở hữu) chấp thuận.

1.8. Phê duyệt điều lệ, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của công ty con là Công ty TNHH MTV Công đoàn; quyết định mục tiêu chiến lược, kế hoạch dài hạn và ngành nghề kinh doanh của công ty con sau khi được Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) chấp thuận; phê duyệt báo cáo tài chính và các quyền hạn khác được ghi trong Điều lệ công ty và công ty con.

1.9. Quyết định cử người đại diện phần vốn của công ty ở doanh nghiệp khác.

1.10. Đề xuất bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, tiền lương, tiền thưởng, kỷ luật Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty.

1.11. Quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê, mua bán, thanh lý tài sản... có giá trị đến 20% vốn Điều lệ của Công ty (nhưng tối đa không quá 1 tỷ đồng).

1.12. Xây dựng kế hoạch tiền lương, tiền thưởng của viên chức quản lý công ty báo cáo Chủ sở hữu (Đại diện Chủ sở hữu) phê duyệt, phê duyệt thang lương, bảng lương; bổ sung, sửa đổi thang lương, bảng lương, kế hoạch tiền

lương của người lao động trong công ty; phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động, định mức lao động sau khi chủ sở hữu (đại diện chủ sở hữu) cho ý kiến.

1.13. Các quyền khác được ghi trong Điều lệ công ty không trái với quy định của Nhà nước và Tổng Liên đoàn.

2. Trách nhiệm, nghĩa vụ:

2.1. Tổ chức thực hiện quyết định của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu).

2.2. Phê duyệt phương án thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty trình Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) phê duyệt.

2.3. Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và quản lý, điều hành của Ban giám đốc.

2.4. Nộp thuế cho Nhà nước; nộp lợi nhuận cho Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) theo quy định pháp luật và Tổng Liên đoàn.

2.5. Các trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Quyền lợi của Chủ tịch Công ty.

Chủ tịch công ty chuyên trách và kiêm nhiệm được hưởng tiền lương hoặc thù lao, tiền thưởng theo Nghị định số 51/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 8. Quyền hạn, trách nhiệm của Giám đốc Giám đốc điều hành.

1. Quyền hạn:

1.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Công ty về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

1.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và phương án đầu tư; nội quy, quy chế của công ty đã được Chủ tịch Công ty phê duyệt.

1.3. Xây dựng cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành công ty trình Chủ tịch Công ty phê duyệt để thực hiện; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý của Công ty theo phân cấp của Chủ tịch Công ty.

1.4. Ký các hợp đồng nhân danh công ty theo quy định của pháp luật và ủy quyền của của Chủ tịch Công ty.

1.5. Tuyển dụng lao động, ký hợp đồng lao động (hoặc ủy quyền ký hợp đồng) và sử dụng lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và kế hoạch đã được Chủ tịch Công ty phê duyệt.

1.6. Đề nghị thành lập mới, tổ chức lại, giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; góp vốn, điều chỉnh tỷ lệ góp vốn của công ty tại các doanh nghiệp thành viên và các doanh nghiệp khác trình Chủ tịch Công ty phê duyệt.

1.7. Đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty và công ty con là công ty TNHH MTV; mục tiêu chiến lược, kế hoạch dài hạn và ngành nghề kinh doanh của công ty con báo cáo Chủ tịch công ty phê duyệt.

1.8. Đề xuất cử người đại diện phần vốn của công ty ở doanh nghiệp khác.

1.9. Xây dựng, trình Chủ tịch Công ty các dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê, mua bán, thanh lý tài sản của công ty.

1.10. Xây dựng kế hoạch tiền lương, tiền thưởng của viên chức quản lý công ty báo cáo Chủ tịch Công ty trình Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) phê duyệt; xây dựng thang lương, bảng lương; bổ sung, sửa đổi thang lương, bảng lương, kế hoạch tiền lương của người lao động, kế hoạch sử dụng lao động, định mức lao động trình Chủ tịch Công ty phê duyệt.

1.11. Các quyền khác được ghi trong Điều lệ công ty không trái với quy định của Nhà nước và Tổng Liên đoàn.

2. Trách nhiệm, nghĩa vụ:

2.1. Tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch Công ty.

2.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty đã được phê duyệt.

2.3. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Công ty, Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.4. Lập báo cáo tài chính và kế hoạch sản xuất kinh doanh (năm) của Công ty trình Chủ tịch Công ty phê duyệt.

2.5. Nộp thuế cho Nhà nước; nộp lợi nhuận cho Chủ sở hữu, (đại diện Chủ sở hữu) theo quy định pháp luật và quyết định của Chủ tịch công ty.

2.6. Các trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Quyền lợi của Giám đốc.

Giám đốc Công ty TNHH MTV công đoàn được hưởng chế độ tiền lương theo Nghị định số 51/2013/NĐ-CP của Chính phủ hoặc theo hợp đồng thuê Giám đốc do Chủ tịch Công ty đề nghị Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) phê duyệt.

Điều 9. Quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc.

1. Quyền hạn:

1.1. Là người đại diện của công ty theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

1.2. Quyết định và tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và phương án đầu tư của Công ty theo phân cấp, ủy quyền.

1.3. Ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy chế của công ty.

1.4. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý của Công ty (trừ cơ cấu tổ chức và các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu)).

1.5. Ký các hợp đồng nhân danh công ty theo quy định của pháp luật.

1.6. Tuyển dụng lao động theo kế hoạch được Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) phê duyệt; ký hợp đồng lao động (hoặc ủy quyền ký hợp đồng) và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật lao động.

1.7. Quyết định thành lập mới, tổ chức lại, giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định việc góp vốn, điều chỉnh tỷ lệ góp vốn của công ty tại công ty con và các doanh nghiệp khác sau khi được Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) chấp thuận.

1.8. Phê duyệt Điều lệ, phê duyệt sửa đổi và bổ sung Điều lệ của công ty con là công ty TNHH MTV; quyết định mục tiêu chiến lược, kế hoạch dài hạn và ngành nghề kinh doanh của công ty con sau khi được Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) chấp thuận; phê duyệt báo cáo tài chính và các quyền hạn khác được ghi trong Điều lệ công ty con.

1.9. Quyết định cử người đại diện phần vốn của công ty ở doanh nghiệp khác.

1.10. Đề xuất bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, tiền lương, tiền thưởng, kỷ luật Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty.

1.11. Quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê, mua bán, thanh lý tài sản... có giá trị đến 20% vốn Điều lệ của Công ty (nhưng tối đa không quá 1 tỷ đồng).

1.12. Xây dựng kế hoạch tiền lương, tiền thưởng của viên chức quản lý công ty, xây dựng thang lương, bảng lương; bổ sung, sửa đổi thang lương, bảng lương, kế hoạch tiền lương của người lao động trong công ty, kế hoạch sử dụng lao động báo cáo Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) phê duyệt để thực hiện.

1.13. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trách nhiệm, nghĩa vụ:

2.1. Tổ chức thực hiện quyết định của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu).

2.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2.3. Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và quản lý, điều hành của Ban giám đốc.

2.4. Lập báo cáo tài chính và kế hoạch sản xuất kinh doanh (năm) của công ty báo cáo Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) phê duyệt để thực hiện.

2.5. Nộp thuế cho Nhà nước; nộp lợi nhuận cho Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn.

2.6. Các trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Quyền lợi của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV công đoàn được hưởng chế độ tiền lương theo Nghị định số 51/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 10. Về giám sát, đánh giá, phân loại Công ty hàng năm.

Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH MTV trực thuộc. Công ty TNHH MTV công đoàn báo cáo đánh giá kết quả tình hình tài chính theo Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ; Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Điều 11. Về quản lý, sử dụng vốn, tài sản của công ty TNHH MTV công đoàn.

1. Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV công đoàn thành lập mới, đang hoạt động thực hiện theo Điều 18 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

- Cấp vốn điều lệ: Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) đề nghị thành lập Công ty TNHH MTV công đoàn có trách nhiệm cấp vốn điều lệ cho công ty sau khi Điều lệ công ty được phê chuẩn hoặc Quyết định bổ sung vốn điều lệ của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) có hiệu lực.

2. Huy động vốn; đầu tư, mua sắm tài sản cố định; khấu hao tài sản cố định; cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản; thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; quản lý hàng hóa tồn kho; quản lý các khoản nợ phải thu, phải trả; chênh lệch tỷ giá; đánh giá lại tài sản; đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp; chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh. Cử người quản lý vốn góp ra ngoài doanh nghiệp.

2.1. Thẩm quyền thực hiện các nội dung trên, theo quy định tại Điều 3, 4, 5,7,8,9 của Quy chế này.

2.2. Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế; Nghị định số 71/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Điều 12. Phân phối lợi nhuận của Công ty TNHH MTV công đoàn.

Lợi nhuận thực hiện của công ty sau khi bù lỗ năm trước, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Chia lãi cho các thành viên góp vốn theo hợp đồng góp vốn. Số lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

1. Nộp Chủ sở hữu (hoặc đại diện Chủ sở hữu).

1.1. Công ty TNHH MTV công đoàn nộp lợi nhuận cho Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) tối đa 30% .

1.2. Công ty TNHH MTV công đoàn được Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) giao quản lý vốn góp liên doanh của công đoàn với nước ngoài, lãi công ty được chia sau khi nộp thuế, nộp chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) 50%, Công ty được hưởng 50%.

1.3. Lợi nhuận thu được từ sử dụng tài sản do Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) cấp, giao cho công ty quản lý sử dụng (ngoài vốn điều lệ) nộp chủ sở hữu (đại diện chủ sở hữu) tối thiểu 50%.

Trong năm nộp theo kế hoạch, khi có báo cáo tài chính nộp lợi nhuận theo báo cáo tài chính.

2. Trích lập các quỹ công ty từ lợi nhuận còn lại.

2.1. Trích tối thiểu 30% vào quỹ đầu tư phát triển công ty.

2.2. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

a. Công ty xếp loại A được trích tối đa không quá 3 tháng tiền lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

b. Công ty xếp loại B được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

c. Công ty xếp loại C được trích tối đa không quá 1 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

d. Công ty không thực hiện được việc xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

2.3. Trích quỹ thưởng Viên chức quản lý công ty.

a. Công ty xếp loại A được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của Viên chức quản lý công ty.

b. Công ty xếp loại B được trích tối đa không quá 01 tháng lương thực hiện của Viên chức quản lý công ty.

c. Công ty xếp loại C hoặc doanh nghiệp không thực hiện được việc xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng Viên chức quản lý công ty.

Số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập hai quỹ trên bổ sung vào quỹ phát đầu tư phát triển của công ty.

d. Công ty trích hai quỹ khen thưởng và phúc lợi không đủ mức quy định trên được giảm trừ mức trích quỹ đầu tư phát triển để bổ sung hai quỹ, nhưng mức trích tối đa không quá mức trích quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

3. Sử dụng các quỹ của công ty.

3.1. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của công ty.

3.2. Quỹ khen thưởng được sử dụng:

a. Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động, hiệu quả công tác của người lao động.

b. Thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân trong Công ty có thành tích đặc biệt xuất sắc.

c. Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp cho hoạt động kinh doanh, quản lý của Công ty.

Chủ tịch công ty quyết định đối tượng, mức thưởng theo đề nghị của Giám đốc hoặc do Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc quyết định; riêng khoản a mục này cần phải có ý kiến tham gia của công đoàn Công ty trước khi quyết định.

3.3. Sử dụng quỹ phúc lợi.

- a. Đầu tư xây dựng, sửa chữa công trình phúc lợi của doanh nghiệp.
- b. Góp vốn với Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) xây dựng công trình phúc lợi chung.
- c. Trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả lao động của Công ty đã nghỉ hưu, tham gia các hoạt động xã hội từ thiện.

Giám đốc Công ty TNHH MTV công đoàn phải lấy ý kiến tham gia của Ban Chấp hành công đoàn công ty trình Chủ tịch công ty phê duyệt để thực hiện, hoặc Giám đốc quyết định sau khi lấy ý kiến tham gia của Ban chấp hành công đoàn Công ty.

3.4. Sử dụng Quỹ thưởng viên chức quản lý Công ty

Thưởng cho viên chức quản lý Công ty, mức thưởng cho viên chức quản lý Công ty do Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) quyết định theo đề nghị của Chủ tịch công ty gắn với tiêu chí đánh giá các chức danh này và hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

3.5. Việc trích lập và sử dụng các quỹ nói trên phải được chấp thuận của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ cơ sở và quy định của Nhà nước.

3.6. Công ty chỉ được chi quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của người lao động; quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Điều 13. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán thống kê và kiểm toán:

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính (năm), báo cáo thống kê gửi Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) và các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Thời gian báo cáo, không quá 75 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

Báo cáo tài chính (năm) của công ty phải được kiểm toán trước khi gửi Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu).

2. Công ty lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh (năm), kế hoạch tài chính báo cáo Chủ sở hữu (hoặc đại diện Chủ sở hữu) trước 30/9 hàng năm.

3. Công ty thực hiện công tác kế toán, thống kê, công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Công ty chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) theo quy định của Nhà nước và của Tổng Liên đoàn.

Chương V **Tổ chức thực hiện**

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Ban Tài chính, Ban Tổ chức, UBKT Tổng Liên đoàn có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các cấp công đoàn, Công ty TNHH một thành viên của công đoàn thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Tổng Liên đoàn để nghiên cứu giải quyết. *al*

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Tùng